

PHỤ LỤC III

MẪU HỒ SƠ YÊU CẦU CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 1/2023/TT-BGTVT ngày 07 tháng 03 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

HỒ SƠ YÊU CẦU CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ

Tên dự án: _____

[ghi tên dự án theo danh mục dự án đã được phê duyệt]

Phát hành ngày: _____

[ghi ngày bắt đầu phát hành hồ sơ yêu cầu chấp thuận nhà đầu tư cho nhà đầu tư]

Ban hành kèm theo Quyết định: _____

[ghi số và ngày phát hành quyết định phê duyệt hồ sơ yêu cầu chấp thuận nhà đầu tư]

MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

PHẦN 1. THỦ TỤC CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ

Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư

Chương II. Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư

Chương III. Biểu mẫu

PHẦN 2. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

MÔ TẢ TÓM TẮT

PHẦN 1. THỦ TỤC CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ

Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư, đánh giá hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư và trao hợp đồng.

Chương II. Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư

Chương này quy định phương pháp, tiêu chuẩn để đánh giá hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư.

Chương III. Biểu mẫu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà nhà đầu tư sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư.

PHẦN 2. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần này gồm các nội dung của dự thảo hợp đồng và biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng.

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

CDNĐT	Chỉ dẫn nhà đầu tư
HSĐXCTNĐT	Hồ sơ đề xuất_chấp thuận nhà đầu tư
HSYCCTNĐT	Hồ sơ yêu cầu chấp thuận nhà đầu tư
Luật Đấu thầu	Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13
Nghị định số 25/2020/NĐ-CP	Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư
Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Đấu tư

PHẦN 1. THỦ TỤC CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ

CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ ĐẦU TƯ

Mục 1. Thông tin dự án; yêu cầu về thực hiện và khai thác dự án

Cơ quan quản lý đường bộ mời nhà đầu tư nhận HSYCCTNĐT dự án bao gồm các nội dung như sau:

I. Thông tin dự án:

- Tên dự án.
- Mục tiêu đầu tư.
- Quy mô đầu tư.
- Địa điểm thực hiện.
- Thời hạn, tiến độ đầu tư.
- Thời gian khai thác dự án sau khi hoàn thành công tác đầu tư.
- Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án (không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tiền thuê đất).
- Sơ bộ chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng.
- Diện tích, hiện trạng khu đất.
- Các chỉ tiêu quy hoạch.

- Các nội dung khác (nếu có).

II. Yêu cầu về thực hiện và khai thác dự án

- Các yêu cầu về thực hiện và khai thác dự án phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt; yêu cầu bảo đảm chất lượng công trình theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng và các quy định khác có liên quan.
- Yêu cầu về kỹ thuật bảo đảm đáp ứng mục tiêu đầu tư; quy mô đầu tư.
- Yêu cầu bố trí đủ vốn để thực hiện dự án.
- Yêu cầu về tiến độ thực hiện dự án (bao gồm các nội dung về thời gian xây dựng công trình và thời gian khai thác dự án sau khi hoàn thành công tác đầu tư).
- Yêu cầu về đáp ứng điều kiện kinh doanh, khai thác dịch vụ chuyên ngành đường bộ (nếu có) theo quy định của pháp luật về đường bộ (bao gồm các điều kiện về bộ máy tổ chức; điều kiện về đội ngũ nhân viên; điều kiện về hạ tầng và thiết bị chuyên ngành; điều kiện về vốn đáp ứng yêu cầu kinh doanh, khai thác dịch vụ chuyên ngành đường bộ tại tuyến quốc lộ và cao tốc).
- Yêu cầu về vận hành, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng công trình dự án.
- Các yêu cầu về môi trường theo quy định của pháp luật về môi trường.
- Các yêu cầu về kết nối hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật.
- Các yêu cầu về đảm bảo an ninh, an toàn.
- Các yêu cầu về trách nhiệm phối hợp với Cơ quan có thẩm quyền trong quá trình cung cấp dịch vụ chuyên ngành đường bộ của nhà đầu tư.
- Các yêu cầu khác liên quan đến ngành, lĩnh vực của dự án cũng như điều kiện cụ thể của dự án.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà đầu tư

Nhà đầu tư độc lập hoặc từng thành viên liên danh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- 2.1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp.
- 2.2. Hạch toán tài chính độc lập.
- 2.3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
- 2.4. Nhà đầu tư tham dự thầu độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với nhà thầu tư vấn, Bộ Giao thông vận tải, Cơ quan quản lý đường bộ theo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Luật Đấu thầu và khoản 1 Điều 4 Thông tư này.
- 2.5. Đã đăng ký trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và được phê duyệt.

2.6. Không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Mục 3. Làm rõ, sửa đổi HSYCCTNĐT

3.1. Trong trường hợp cần làm rõ HSYCCTNĐT, nhà đầu tư phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến Cơ quan quản lý đường bộ tối thiểu 07 ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp HSDXCTNĐT. Cơ quan quản lý đường bộ phải làm rõ HSYCCTNĐT khi nhận được văn bản đề nghị làm rõ trong thời hạn nêu trên.

3.2. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSYCCTNĐT thì Cơ quan quản lý đường bộ phải tiến hành sửa đổi HSYCCTNĐT. Văn bản sửa đổi HSYCCTNĐT, bao gồm cả quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi, được coi là một phần của HSYCCTNĐT được gửi cho nhà đầu tư.

Mục 4. Khảo sát hiện trường

4.1. Nhà đầu tư được tiếp cận, khảo sát hiện trường dự án với điều kiện nhà đầu tư cam kết rằng Cơ quan quản lý đường bộ không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với nhà đầu tư trong việc khảo sát hiện trường này. Nhà đầu tư sẽ tự chịu trách nhiệm cho những rủi ro của mình như tai nạn, mất mát hoặc thiệt hại tài sản và bất kỳ chi phí nào khác phát sinh từ việc khảo sát hiện trường. Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan quản lý đường bộ sẽ tổ chức, hướng dẫn nhà đầu tư đi khảo sát hiện trường.

4.2. Nhà đầu tư cần thông báo trước cho Cơ quan quản lý đường bộ về việc đề xuất tổ chức khảo sát hiện trường dự án.

Mục 5. Ngôn ngữ của HSDXCTNĐT

HSDXCTNĐT cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến HSDXCTNĐT trao đổi giữa nhà đầu tư với Cơ quan quản lý đường bộ được viết bằng: _____[Trường hợp HSYCCTNĐT được viết bằng tiếng Anh thì ghi “Tiếng Anh”; HSYCCTNĐT được viết bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt thì ghi “Nhà đầu tư có thể lựa chọn tiếng Anh hoặc tiếng Việt để lập HSDXCTNĐT căn cứ vào nội dung của bản HSYCCTNĐT bằng tiếng Anh”].

Mục 6. Thành phần của HSDXCTNĐT

HSDXCTNĐT do nhà đầu tư chuẩn bị phải bao gồm:

6.1. Đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư quy định tại Mục 7.1 CDNĐT.

6.2. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh quy định tại Mục 7.3 CDNĐT.

6.3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại Mục 7.2 CDNĐT.

6.4. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư theo quy định tại Mục 8 CDNĐT.

6.5. Đề xuất về kỹ thuật theo quy định tại Mục 9 CDNĐT.

6.6. Đề xuất về tài chính - thương mại và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 CDNĐT.

Mục 7. Đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư

7.1. Đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại Mẫu số 01 Chương III - Biểu mẫu.

7.2. Đối với nhà đầu tư độc lập, đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư phải được ký tên và đóng dấu (nếu có) bởi đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư là người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư hoặc người được đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư ủy quyền.

Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư ủy quyền cho cấp dưới thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương III - Biểu mẫu; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương III). Bản gốc giấy ủy quyền (lập theo Mẫu số 02 Chương III) phải được gửi cho Cơ quan quản lý đường bộ cùng với đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư.

7.3. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư phải được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên đứng đầu liên danh theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh là người đại diện theo pháp luật hoặc người được đại diện theo pháp luật ủy quyền. Trường hợp ủy quyền, thực hiện tương tự nhà đầu tư độc lập theo quy định tại Mục 7.2 CDNĐT.

Mục 8. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư

8.1. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà đầu tư:

a) Đối với nhà đầu tư độc lập, phải cung cấp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của mình như sau:

Bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp.

b) Đối với nhà đầu tư liên danh, phải cung cấp các tài liệu sau đây:

- Các tài liệu nêu tại điểm a Mục này đối với từng thành viên liên danh;
- Văn bản thỏa thuận liên danh giữa các thành viên theo Mẫu số 03 tại Chương III - Biểu mẫu.

8.2. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư bao gồm năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư được kê khai theo các Mẫu tại Chương III - Biểu mẫu.

Mục 9. Thành phần đề xuất về kỹ thuật

Thành phần đề xuất về kỹ thuật của nhà đầu tư bao gồm:

9.1. Đề xuất về kế hoạch và phương pháp triển khai thực hiện dự án.

9.2. Đề xuất về phương án tổ chức vận hành, quản lý và cung cấp dịch vụ chuyên ngành đường bộ.

Mục 10. Đề xuất thay thế phương án thực hiện dự án

10.1. Nhà đầu tư được đề xuất thay thế phương án thực hiện dự án.

10.2. Nhà đầu tư phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Cơ quan quản lý đường bộ có thể đánh giá phương án thực hiện dự án.

Mục 11. Thành phần đề xuất về tài chính - thương mại

11.1. Nhà đầu tư phải nộp đề xuất về tài chính - thương mại gồm Bảng tổng hợp chi phí thực hiện dự án và chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối theo quy định tại Chương III - Biểu mẫu.

11.2. Nhà đầu tư phải có trách nhiệm hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSYCCTNĐT trên cơ sở tổng chi phí thực hiện dự án, tổng chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án và phần nộp ngân sách nhà nước do mình đề xuất.

11.3. Trường hợp nhà đầu tư đề xuất tăng phần nộp ngân sách nhà nước thì có thể ghi trực tiếp trong đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư. Trong trường hợp này, nhà đầu tư phải nêu rõ nội dung và cách thức tăng phần nộp ngân sách nhà nước kèm theo đề xuất về tài chính - thương mại tương ứng.

Mục 12. Đồng tiền dự thầu

Đồng tiền dự thầu là: _____

[Căn cứ theo yêu cầu của dự án mà quy định việc cho phép và điều kiện áp dụng để nhà đầu tư chào theo một hoặc một số đồng tiền khác nhau nhưng không quá ba đồng tiền, ví dụ: VND, USD, EUR. Trường hợp trong số các đồng tiền đó có VND thì phải quy đổi về VND. Trường hợp cho phép chào bằng ngoại tệ thì phải yêu cầu nhà đầu tư chứng minh được nội dung công việc sử dụng ngoại tệ và sơ bộ giá trị ngoại tệ tương ứng; các loại chi phí trong nước phải được chào bằng VND, các chi phí nước ngoài, liên quan đến dự án thì được chào bằng đồng tiền nước ngoài].

Mục 13. Thời gian có hiệu lực của HSDXCTNĐT

13.1. Thời gian có hiệu lực của HSDXCTNĐT là ngày kể từ ngày hết hạn nộp HSDXCTNĐT.

13.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDXCTNĐT, Cơ quan quản lý đường bộ đề nghị nhà đầu tư gia hạn hiệu lực của HSDXCTNĐT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nhà đầu tư chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDXCTNĐT.

Mục 14. Quy cách HSDXCTNĐT và chữ ký trong HSDXCTNĐT

14.1. Nhà đầu tư phải chuẩn bị HSDXCTNĐT bao gồm: 01 bản gốc HSDXCTNĐT và 05 bản chụp, HSDXCTNĐT. Trường hợp có sửa đổi, thay thế HSDXCTNĐT thì nhà đầu tư phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDXCTNĐT.

14.2. Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá.

14.3. Bản gốc của HSDXCTNĐT phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư, các văn bản bổ sung, làm rõ HSDXCTNĐT (nếu có) và các biểu mẫu khác được lập theo quy định tại Chương III - Biểu mẫu phải được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên và đóng dấu (nếu có). Trường hợp là nhà đầu tư liên danh thì HSDXCTNĐT phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả thành viên liên danh hoặc thành viên đứng đầu liên danh theo phân công trách nhiệm tại thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

14.4. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đỏ của người ký đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư.

Mục 15. Thời hạn nộp HSDXCTNĐT

Nhà đầu tư nộp trực tiếp hoặc gửi HSDXCTNĐT đến Cơ quan quản lý đường bộ trước ngày *[ghi thời điểm hết hạn nộp HSDXCTNĐT]* theo địa chỉ nêu trong hồ sơ mời thầu của Cơ quan quản lý đường bộ

Mục 16. Đánh giá HSDXCTNĐT và thương thảo về các đề xuất của nhà đầu tư

16.1. Đánh giá HSDXCTNĐT theo quy trình, phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương II - Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá HSDXCTNĐT.

16.2. Trong quá trình đánh giá HSDXCTNĐT, Cơ quan quản lý đường bộ được mời nhà đầu tư đến giải thích, làm rõ, sửa đổi, bổ sung các thông tin cần thiết của HSDXCTNĐT và thương thảo về các đề xuất của nhà đầu tư nhằm chứng minh sự đáp ứng yêu cầu của HSYCCTNĐT về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, chất lượng, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện và các nội dung cần thiết khác.

16.3. Việc thương thảo hợp đồng còn bao gồm đàm phán các nội dung cần thiết về đề xuất tài chính - thương mại của nhà đầu tư, kể cả việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch (nếu có).

Mục 17. Điều kiện chấp thuận nhà đầu tư

Nhà đầu tư được đề nghị chấp thuận khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

17.1. Có HSDXCTNĐT hợp lệ.

17.2. Đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm.

17.3. Đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

17.4. Đáp ứng yêu cầu về tài chính - thương mại.

Mục 18. Công khai kết quả chấp thuận nhà đầu tư

18.1. Sau khi có kết quả chấp thuận nhà đầu tư được phê duyệt, Cơ quan quản lý đường bộ đăng tải thông tin về kết quả chấp thuận nhà đầu tư lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, đồng thời gửi văn bản thông báo chấp thuận nhà đầu tư đến nhà đầu tư. Văn bản thông báo chấp thuận nhà đầu tư phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Tên dự án; mục tiêu, quy mô của dự án.
- b) Tên nhà đầu tư chấp thuận.
- c) Tiến độ thực hiện dự án.
- d) Địa điểm thực hiện dự án, diện tích, thời hạn thuê đất.
- đ) Thời gian khai thác dự án sau khi hoàn thành công tác đầu tư.
- e) Tổng chi phí thực hiện dự án (không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tiền thuê đất).
- g) Tổng số tiền đề xuất nộp ngân sách nhà nước của nhà đầu tư.
- h) Các nội dung khác (nếu có).

18.2. Đồng thời với văn bản thông báo chấp thuận lựa chọn nhà đầu tư, Cơ quan quản lý đường bộ gửi dự thảo hợp đồng và kế hoạch hoàn thiện hợp đồng bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng đến nhà đầu tư được chấp thuận.

Điều 19. Điều kiện ký kết hợp đồng

19.1. Tại thời điểm ký kết, HSDXCTNĐT của nhà đầu tư được lựa chọn còn hiệu lực.

19.2. Tại thời điểm ký kết, nhà đầu tư được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện dự án. Trường hợp thực tế nhà đầu tư không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong HSYCCTNĐT thì cơ quan có thẩm quyền sẽ không tiến hành ký kết hợp đồng với nhà đầu tư. Khi đó, cơ quan có thẩm quyền sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả chấp thuận nhà đầu tư.

Mục 20. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

20.1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà đầu tư phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo một trong các hình thức: đặt cọc, ký quỹ hoặc nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

20.2. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày nhà đầu tư hoàn thành nghĩa vụ theo quy định tại hợp đồng dự án _____ [ghi cụ thể số ngày]

20.3. Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là _____ [ghi giá trị và đồng tiền cụ thể, bảo đảm giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng từ 1-3% tổng chi phí thực hiện dự án]

20.4. Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng được lập theo Mẫu số 12 Phần 2 - Dự thảo hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng của HSYCCTNĐT.

20.5. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____ *[ghi cụ thể thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà đầu tư ngay sau khi hoặc không chậm hơn ngày kể từ khi công trình được hoàn thành và nghiệm thu].*

20.6. Nhà đầu tư không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực.
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng.
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 21. Triển khai thực hiện hợp đồng

Sau khi hợp đồng được ký kết giữa cơ quan có thẩm quyền và nhà đầu tư trúng thầu (hoặc doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án), Đơn vị được giao quản lý đường bộ nơi thực hiện dự án, nhà đầu tư trúng thầu (hoặc doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án) phối hợp với cơ quan quản lý đất đai của địa phương trình Ủy ban nhân dân có thẩm quyền quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai. Căn cứ tiến độ thỏa thuận tại hợp đồng, nhà đầu tư trúng thầu (hoặc doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án) nộp giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (M2) và giá trị nộp ngân sách nhà nước bằng tiền (M3) được đề xuất trong hồ sơ dự thầu cho Kho bạc nhà nước trung ương. Không tính lãi vay đối với chi phí (M2)

CHƯƠNG II. PHƯƠNG PHÁP VÀ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐXCTNĐT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ HSĐXCTNĐT

1.1. Kiểm tra HSĐXCTNĐT

- a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSĐXCTNĐT.
- b) Kiểm tra các thành phần của bản gốc HSĐXCTNĐT theo quy định tại Mục 6 CDNĐT.
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSĐXCTNĐT.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ HSĐXCTNĐT

HSĐXCTNĐT của nhà đầu tư được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSĐXCTNĐT.
- b) Có đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có) theo quy định của HSYCCTNĐT. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên đứng

đầu liên danh theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

c) Thời hạn hiệu lực của HSDXCTNĐT đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 13 CDNĐT.

d) Trường hợp liên danh, có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) và trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh theo Mẫu số 03 Chương III - Biểu mẫu.

đ) Nhà đầu tư bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 8 CDNĐT.

e) Phần nộp ngân sách nhà nước ghi trong đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ, không đề xuất các giá trị khác nhau đối với cùng một nội dung hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu.

Mục 2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1. Phương pháp đánh giá

a) Căn cứ quy mô, tính chất dự án để sử dụng một trong các phương pháp đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư như sau:

- Phương pháp chấm điểm.
- Phương pháp sử dụng tiêu chí đạt, không đạt.
- Phương pháp kết hợp giữa chấm điểm và sử dụng tiêu chí đạt, không đạt.

b) Trường hợp sử dụng phương pháp chấm điểm, mức điểm tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng yêu cầu không được thấp hơn 80% tổng số điểm năng lực, kinh nghiệm và điểm đánh giá của từng nội dung yêu cầu cơ bản không thấp hơn 70% điểm tối đa của nội dung đó.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư được thực hiện theo Bảng 1 dưới đây:

BẢNG 1: TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Yêu cầu
I	Năng lực tài chính của nhà đầu tư⁽¹⁾	

1	Vốn chủ sở hữu tối thiểu của nhà đầu tư thu xếp cho dự án	Vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp ⁽²⁾: <i>[ghi vốn chủ sở hữu tối thiểu yêu cầu nhà đầu tư phải thu xếp bằng số và bằng chữ. Vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp từ 30%-50% tổng chi phí thực hiện dự án tùy theo tính chất, quy mô dự án đang xét. Trong đó, tổng chi phí thực hiện dự án được xác định bằng tổng giá trị m1 và m2].</i> Trường hợp liên danh, vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư liên danh bằng tổng vốn chủ sở hữu của các thành viên liên danh. Đồng thời, từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu tương ứng với phần vốn góp chủ sở hữu theo thỏa thuận liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh được đánh giá là không đáp ứng thì nhà đầu tư liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu. Nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ sở hữu vốn tối thiểu là 30%, từng thành viên liên danh có tỷ lệ sở hữu vốn tối thiểu là 15% trong liên danh.
2	Khả năng thu xếp vốn vay	Vốn vay nhà đầu tư có khả năng thu xếp tối thiểu: _____ <i>[ghi vốn vay tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp bằng số và bằng chữ. Vốn vay tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp từ 50%-70% tổng chi phí thực hiện dự án tùy theo tính chất, quy mô dự án đang xét. Trong đó, tổng chi phí thực hiện dự án được xác định bằng tổng giá trị m1 và m2].</i> Trường hợp liên danh, tiêu chí này được đánh giá theo tổng giá trị vốn vay các thành viên liên danh có khả năng thu xếp.
II	Kinh nghiệm kinh doanh, khai thác dịch vụ chuyên ngành đường bộ của nhà đầu tư	Nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh đã kinh doanh hoặc khai thác dịch vụ chuyên ngành đường bộ thuộc dự án đang xét đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

		- Đã được cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ (nếu có) phù hợp với nội dung đầu tư được cơ quan có thẩm quyền cấp ít nhất tại _____ tuyến quốc lộ và cao tốc [ghi số tuyến quốc lộ và cao tốc tùy theo quy mô, tính chất dự án đang xét]. - Đã khai thác dịch vụ chuyên ngành đường bộ thuộc dự án đang xét tối thiểu _____ năm [ghi số năm hoạt động khai thác dịch vụ chuyên ngành đường bộ tùy theo quy mô, tính chất dự án đang xét]. (Tùy theo quy mô, tính chất dự án để quy định một trong hai điều kiện trên)
III	Điều kiện về vốn đối với nhà đầu tư nước ngoài cung cấp dịch vụ đường bộ Tuân thủ theo các quy định pháp luật về đầu tư, xây dựng và các quy định có liên quan các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.	

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của dự án, có thể điều chỉnh hoặc bổ sung các chỉ tiêu tài chính khác như: giá trị tài sản ròng, doanh thu, lợi nhuận,...

Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, năng lực tài chính của nhà đầu tư được đánh giá trên cơ sở báo cáo tài chính đã được đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán từ thời điểm thành lập đến trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án tối đa 28 ngày.

(2) Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định trên cơ sở các số liệu tài chính của nhà đầu tư được cập nhật trong khoảng thời gian tối đa 28 ngày trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án và cam kết về việc huy động vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư. Nhà đầu tư phải kê khai thông tin, cung cấp các tài liệu về năng lực tài chính theo Mẫu số 06 tại Chương III.

Vốn chủ sở hữu còn lại của nhà đầu tư = Tổng vốn chủ sở hữu - Chi phí liên quan đến kiện tụng
 - Vốn chủ sở hữu cam kết cho các dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư dài hạn khác (nếu có) - Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo quy định (Vốn chủ sở hữu dùng riêng cho phân bổ hoặc theo yêu cầu pháp lý quy định với Nhà đầu tư; Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo yêu cầu dự phòng đặc biệt cho các trường hợp có thể xảy ra; Vốn chủ sở hữu khác được cam kết sẽ hoàn lại và không dùng cho tuyên bố cổ tức,...).

Mục 3. Đánh giá về kỹ thuật

3.1. Phương pháp đánh giá

Sử dụng phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100 hoặc 1.000 để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật, trong đó phải quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu

chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết. Khi xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật phải quy định mức điểm tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng yêu cầu nhưng không được thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật và điểm của từng nội dung yêu cầu về kế hoạch và phương pháp triển khai thực hiện dự án; về phương án tổ chức vận hành, quản lý và cung cấp dịch vụ chuyên ngành đường bộ không thấp hơn 60% điểm tối đa của nội dung đó tùy thuộc vào quy mô, tính chất của từng dự án cụ thể.

3.2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Căn cứ quy mô, tính chất và lĩnh vực của dự án, bên mời thầu quy định cụ thể các tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật. Bên mời thầu yêu cầu nhà đầu tư thuyết minh về kế hoạch và phương pháp triển khai thực hiện dự án; thuyết minh về phương thức tổ chức vận hành, quản lý và cung cấp dịch vụ chuyên ngành đường bộ để đánh giá sự phù hợp, khả thi đề xuất của nhà đầu tư đối với các nội dung sau đây:

BẢNG 2: TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT

Stt	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm yêu cầu tối thiểu
I	Đánh giá đề xuất của nhà đầu tư về kế hoạch và phương pháp triển khai thực hiện dự án			
1	Chứng minh sự hiểu biết về hiện trạng; dự báo tăng trưởng sản lượng; mục tiêu của dự án theo quy hoạch được duyệt			
2	Quy mô dự án, phương án thiết kế			
3	Phương án kỹ thuật, công nghệ của dự án			
4	Kế hoạch, tiến độ thực hiện dự án, thời gian xây dựng			
5	Phương án giảm thiểu tác động môi trường			
6	Đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng, nhà đầu tư phải có phương án phối hợp với Đơn vị được giao quản lý đường bộ nơi thực hiện dự án để làm việc với Ủy ban nhân dân có thẩm quyền hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng và để Ủy ban nhân dân có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận			

	quyền sử dụng đất cho lô đất xây dựng dự án cho Đơn vị được giao quản lý đường bộ.			
7	Phương án kết nối hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật (thoát nước, môi trường) của dự án với hạ tầng chung của tuyến quốc lộ và cao tốc; lập phương án kiến trúc và bản vẽ tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 trong phạm vi ranh giới dự án bằng kinh phí của nhà đầu tư.			
8	Phương án về phòng cháy, chữa cháy; an ninh, an toàn; các giải pháp, biện pháp, trang bị phương tiện phòng chống cháy, nổ; tổ chức bộ máy quản lý hệ thống phòng chống cháy nổ theo quy định			
9	Thời gian khai thác dự án sau khi hoàn thành công tác đầu tư			
II	Đánh giá đề xuất của nhà đầu tư về phương án tổ chức vận hành, quản lý và cung cấp dịch vụ chuyên ngành đường bộ			
1	Phương án bảo đảm đáp ứng các điều kiện kinh doanh, khai thác dịch vụ (nếu có) chuyên ngành đường bộ theo quy định của pháp luật về đường bộ (bao gồm các điều kiện về bộ máy tổ chức; điều kiện về đội ngũ nhân viên; điều kiện về hạ tầng và thiết bị chuyên ngành; điều kiện về vốn đáp ứng yêu cầu kinh doanh, khai thác dịch vụ chuyên ngành đường bộ tại tuyến quốc lộ và cao tốc và các hồ sơ, tài liệu, hợp đồng chứng minh đáp ứng các điều kiện đó).			
2	Phương án tổ chức vận hành, quản lý và cung cấp dịch vụ chuyên ngành đường bộ của nhà đầu tư đáp ứng mục tiêu, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển tuyến quốc lộ và cao tốc.			
3	Phương án phối hợp với Cơ quan có thẩm quyền trong quá trình cung cấp dịch vụ đường bộ của nhà đầu tư, bảo đảm an ninh, an toàn			

4	Phương án giám sát để bảo đảm cung cấp dịch vụ đường bộ ổn định, liên tục, đạt chất lượng			
	Tổng cộng (100%)			

Ngoài các tiêu chuẩn nêu trên, trong quá trình xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật, bên mời thầu có thể điều chỉnh, bổ sung các tiêu chuẩn về kỹ thuật khác phù hợp với tính chất, lĩnh vực, đặc điểm dự án cụ thể.

Mục 4. Đánh giá về tài chính - thương mại

Nhà đầu tư có đề xuất tổng chi phí thực hiện dự án ($M1$) không thấp hơn $m1$ ($M1 \geq m1$), giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư ($M2$) không thấp hơn $m2$ ($M2 \geq m2$) đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng, $M2=m2$ đối với dự án đã giải phóng mặt bằng, giá trị đóng góp không điều kiện cho ngân sách nhà nước bằng tiền ngoài các nghĩa vụ của nhà đầu tư đối với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành ($M3$) cao nhất, được xếp thứ nhất và được xem xét đề nghị trúng thầu. Trong đó:

- 5.1. $m1$ là sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án đã được phê duyệt trong danh mục dự án
- 5.2. $m2$ là sơ bộ chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của phần diện tích đất cần hỗ trợ, tái định cư theo quy định tại Điều 16 Thông tư này.
- 5.3. $m3$ là giá sàn nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 17 Thông tư này.
- 5.4. $M1$ là tổng chi phí thực hiện dự án (không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất) do nhà đầu tư đề xuất trong HSĐXCTNĐT. Phương án thực hiện dự án do nhà đầu tư xây dựng trên cơ sở phù hợp với yêu cầu thực hiện dự án tại HS YCCTNĐT.
- 5.5. $M2$ là giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do nhà đầu tư đề xuất trong HSĐXCTNĐT căn cứ nội dung $m2$ được xác định trong HSYCCTNĐT.
- 5.6. $M3$ là giá trị đóng góp không điều kiện cho ngân sách nhà nước bằng tiền do nhà đầu tư đề xuất trong HSĐXCTNĐT ngoài các nghĩa vụ của nhà đầu tư đối với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trong quá trình triển khai dự án, nhà đầu tư trúng thầu có trách nhiệm thực hiện theo đúng phương án đã đề xuất, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu của Hồ sơ mời thầu. Chi phí thực hiện dự án được xác định trên cơ sở quá trình triển khai thực tế nhưng phải bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan và đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án.

CHƯƠNG III. BIỂU MẪU

1. Mẫu số 01: Đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư
2. Mẫu số 02: Giấy ủy quyền
3. Mẫu số 03: Thỏa thuận liên danh

4. Mẫu số 04: Thông tin về nhà đầu tư
5. Mẫu số 05: Các đối tác cùng thực hiện dự án
6. Mẫu số 06: Năng lực tài chính của nhà đầu tư
7. Mẫu số 07: Cam kết nguồn cung cấp tài chính, tín dụng cho nhà đầu tư
8. Mẫu số 08: Kinh nghiệm kinh doanh, khai thác dịch vụ chuyên ngành đường bộ của nhà đầu tư
9. Mẫu số 09: Đề xuất về kỹ thuật
10. Mẫu số 10: Bảng tổng hợp chi phí thực hiện dự án và chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các dự án chưa giải phóng mặt bằng

MẪU SỐ 01

ĐƠN ĐỀ XUẤT CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ⁽¹⁾

(Địa điểm), ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [ghi tên bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu chấp thuận nhà đầu tư của dự án ____ [ghi tên dự án] do Cơ quan quản lý đường bộ phát hành ngày ____ và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu chấp thuận nhà đầu tư số ____ ngày ____ [ghi số, ngày của văn bản sửa đổi, nếu có], chúng tôi, ____ [ghi tên nhà đầu tư] cam kết thực hiện dự án ____ [ghi tên dự án] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu chấp thuận nhà đầu tư với tổng chi phí thực hiện dự án (không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tiền thuê đất): ____ [ghi số tiền bằng số và bằng chữ]; chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng: ____ [ghi số tiền bằng số và bằng chữ] và giá trị nộp ngân sách nhà nước (ngoài các nghĩa vụ của nhà đầu tư đối với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành): ____ [ghi số tiền bằng số và bằng chữ] .

Hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư này được nộp không có điều kiện và ràng buộc kèm theo. Chúng tôi sẵn sàng cung cấp cho Cơ quan quản lý đường bộ bất kỳ thông tin bổ sung, làm rõ cần thiết nào khác theo yêu cầu của Cơ quan quản lý đường bộ.

Chúng tôi cam kết⁽²⁾:

1. Chỉ tham gia trong một về hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư này với tư cách là nhà đầu tư độc lập, thành viên liên danh.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở các hành vi vi phạm khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự dự án này.
5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư là chính xác, trung thực.

6. Chúng tôi đồng ý và cam kết chịu mọi trách nhiệm liên quan đối với tất cả các nghĩa vụ của nhà đầu tư trong quá trình chấp thuận nhà đầu tư.

Hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư này có hiệu lực trong thời gian ngày ____ [ghi số ngày]⁽³⁾, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ [ghi ngày hết hạn nộp HSDXCTNĐT]⁽⁴⁾

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư⁽⁵⁾

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]⁽⁶⁾

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư lưu ý ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Cơ quan quản lý đường bộ, nhà đầu tư, thời gian có hiệu lực của HSDXCTNĐT.

(2) Trường hợp phát hiện nhà đầu tư vi phạm các cam kết này thì nhà đầu tư bị coi là có hành vi gian lận và HSDXCTNĐT bị loại.

(3) Thời gian có hiệu lực của HSDXCTNĐT được tính kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp HSDXCTNĐT đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSYCCTNĐT.

(4) Ghi ngày có thời điểm hết hạn nộp HSDXCTNĐT theo quy định tại Mục 13 CDNĐT.

(5) Đối với nhà đầu tư độc lập, đơn dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự thầu phải được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên đứng đầu liên danh theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư/thành viên liên danh được xác định theo quy định tại Mục 7 CDNĐT.

(6) Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền về việc chữ ký trong đơn dự thầu và các tài liệu khác trong HSDXCTNĐT là của người đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.

MẪU SỐ 02

GIẤY ỦY QUYỀN

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà đầu tư] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà đầu tư], bằng văn bản này ủy quyền cho: ____ [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chấp thuận nhà đầu tư dự án ____ [ghi tên dự án] do Cơ quan quản lý đường bộ tổ chức:

[Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc một số công việc sau:

- Ký đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Cơ quan quản lý đường bộ trong quá trình tham gia chấp thuận nhà đầu tư, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYCCTNDT, văn bản giải trình, làm rõ HSDXCTNDT;
- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký kết hợp đồng với cơ quan có thẩm quyền nếu được chấp thuận nhà đầu tư.]

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi được ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà đầu tư]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày đến ____ ngày ____ (1). Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau. Người ủy quyền giữ ____ bản. Người được ủy quyền giữ ____ bản. Đính kèm theo bản gốc của hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư một (01) bản gốc.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)⁽²⁾]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)⁽³⁾]

Ghi chú:

(1) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu.

(2) , (3) Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà đầu tư hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền.

MẪU SỐ 03

THỎA THUẬN LIÊN DANH

(Địa điểm), ngày ____ tháng ____ năm ____

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh: ____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

- Quốc gia nơi đăng ký hoạt động:

- Mã số thuế:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Fax:

- Email:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (*trường hợp được ủy quyền*).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia chấp thuận nhà đầu tư dự án ____ [ghi tên dự án].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến dự án là: ____ [ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

Địa chỉ giao dịch của Liên danh:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Người đại diện của Liên danh:

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà đầu tư khác để tham gia chấp thuận nhà đầu tư dự án.

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện các công việc trong quá trình chấp thuận nhà đầu tư cho dự án như sau:

1. Các bên nhất trí thỏa thuận cho ____ [ghi tên một thành viên] là thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh để thực hiện các công việc sau (*có thể điều chỉnh, bổ sung theo thỏa thuận của các bên*):

[Thành viên đứng đầu liên danh có thể đại diện cho liên danh để thực hiện một hoặc một số công việc sau:

- Ký đơn đề xuất chấp thuận nhà đầu tư;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Cơ quan quản lý đường bộ trong quá trình tham gia chấp thuận nhà đầu tư, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYCCTNDT, văn bản giải trình, làm rõ HSDXCTNDT;

- Ký các văn bản kiến nghị trong chấp thuận nhà đầu tư (nếu có);

- Các công việc khác, trừ việc ký kết hợp đồng (ghi rõ nội dung các công việc, nếu có)].

2. Vai trò, trách nhiệm của các thành viên liên danh ⁽¹⁾ [ghi cụ thể vai trò, trách nhiệm của từng thành viên liên danh và ghi tỷ lệ phần trăm vốn góp chủ sở hữu trong liên danh]:

TT	Tên thành viên	Vai trò tham gia <i>[Ghi phần công việc mà thành viên đảm nhận (thu xếp tài chính, xây dựng, quản lý, vận hành,...)]</i>	Vốn chủ sở hữu	
			Giá trị	Tỷ lệ %
1	Thành viên 1 <i>[Đứng đầu liên danh]</i>			<i>[tối thiểu 30%]</i>
2	Thành viên 2			<i>[tối thiểu 15%]</i>
3	Thành viên 3			<i>[tối thiểu 15%]</i>
...				
Tổng				100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên thỏa thuận cùng chấm dứt;
 - Có sự thay đổi thành viên liên danh. Trong trường hợp này, nếu sự thay đổi thành viên liên danh được Cơ quan quản lý đường bộ chấp thuận thì các bên phải thành lập thỏa thuận liên danh mới;
 - Liên danh không được chấp thuận nhà đầu tư;
 - Hủy việc chấp thuận nhà đầu tư của dự án theo thông báo của Cơ quan quản lý đường bộ.
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng.

Thỏa thuận liên danh này được lập thành _____ bản gốc, mỗi thành viên liên danh giữ _____ bản, nộp kèm theo hồ sơ dự thầu 01 bản gốc. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ⁽²⁾

[ghi tên đại diện hợp pháp của từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)⁽³⁾]

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư phải liệt kê vai trò tham gia và tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu của từng thành viên liên danh.

(2) Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh được xác định theo quy định tại Mục 07 CDNDT.

(3) Trường hợp thành viên liên danh là nhà đầu tư nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền về việc chữ ký trong thỏa thuận liên danh là của người đại diện hợp pháp của thành viên liên danh.

MẪU SỐ 04

THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ

(Địa điểm), ngày ____ tháng ____ năm ____

1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:
2. Quốc gia nơi đăng ký hoạt động của nhà đầu tư:
3. Năm thành lập công ty:
4. Địa chỉ hợp pháp của nhà đầu tư tại quốc gia đăng ký:
5. Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà đầu tư:
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Số điện thoại/fax:
 - Địa chỉ e-mail:
6. Sơ đồ tổ chức của nhà đầu tư.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà đầu tư cần nộp kèm theo bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp.

MẪU SỐ 05

CÁC ĐỐI TÁC CÙNG THỰC HIỆN DỰ ÁN⁽¹⁾

TT	Tên đối tác ⁽²⁾	Quốc gia nơi đăng ký hoạt động	Vai trò tham gia ⁽³⁾	Người đại diện theo pháp Luật	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với đối tác ⁽⁴⁾
----	----------------------------	--------------------------------	---------------------------------	-------------------------------	---

1	Công ty 1		[Tổ chức cung cấp tài chính]		
2	Công ty 2		[Nhà thầu xây dựng]		
3	Công ty 3		[Nhà thầu vận hành/Quản lý]		
					

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

- (1) Trường hợp có sự tham gia của các đối tác khác thì kê khai theo Mẫu này.*
- (2) Nhà đầu tư ghi cụ thể tên của các đối tác tham gia thực hiện dự án.*
- (3) Nhà đầu tư ghi cụ thể vai trò tham gia của từng đối tác.*
- (4) Nhà đầu tư ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận, kèm theo bản chụp được chứng thực các tài liệu đó.*

MẪU SỐ 06

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ⁽¹⁾

1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:

2. Thông tin về năng lực tài chính của nhà đầu tư/thành viên liên danh:

a) Tóm tắt các số liệu về tài chính⁽²⁾:

STT	Nội dung	Giá trị
1	Tổng vốn chủ sở hữu	
2	Chi phí liên quan đến kiện tụng (nếu có)	
3	Vốn chủ sở hữu cam kết cho các dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư dài hạn khác (nếu có)	
4	Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo quy định	
5	Vốn chủ sở hữu còn lại của nhà đầu tư	$(5) = (1) - (2) - (3) - (4)$

b) Tài liệu đính kèm⁽³⁾

Đính kèm là tài liệu chứng minh về số liệu tài chính của nhà đầu tư được cập nhật trong khoảng thời gian tối đa 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu:

- Bản sao báo cáo tài chính được kiểm toán trong khoảng thời gian 28 ngày trước ngày có thời điểm hết hạn nộp HSDXCTNĐT (nhà đầu tư có thể sử dụng báo cáo tài chính năm, các báo cáo tài chính giữa niên độ, báo cáo tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu).

Các báo cáo do nhà đầu tư cung cấp phải bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật về tài chính, kế toán, phản ánh tình hình tài chính riêng của nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà đầu tư liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh.

- Trường hợp trong khoảng thời gian 28 ngày trước ngày có thời điểm hết hạn nộp HSDXCTNĐT không trùng với kỳ lập báo cáo tài chính hoặc nhà đầu tư không có báo cáo tài chính được kiểm toán trong thời gian này, nhà đầu tư phải cung cấp báo cáo tài chính được kiểm toán tại thời điểm gần nhất.

Đồng thời, nhà đầu tư phải kê khai và cung cấp tài liệu chứng minh về sự thay đổi trong các số liệu tài chính từ thời điểm có báo cáo kiểm toán đến thời điểm tham dự chấp thuận nhà đầu tư (ví dụ như các tài liệu chứng minh việc tăng vốn chủ sở hữu). Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về các thông tin đã kê khai tại HSDXCTNĐT.

- Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, nhà đầu tư phải nộp báo cáo tài chính đã được đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán từ thời điểm thành lập đến trước ngày có thời điểm hết hạn nộp HSDXCTNĐT tối đa 28 ngày.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá, Cơ quan quản lý đường bộ bổ sung các thông tin phù hợp.

(3) Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá, Cơ quan quản lý đường bộ có thể bổ sung các tài liệu nhà đầu tư phải nộp để chứng minh năng lực tài chính (ví dụ như: biên bản kiểm tra quyết toán thuế, tờ khai tự quyết toán thuế; tài liệu chứng minh việc nhà đầu tư đã kê khai quyết toán thuế điện tử; văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế;...).

MẪU SỐ 07

CAM KẾT NGUỒN CUNG CẤP TÀI CHÍNH, TÍN DỤNG CHO NHÀ ĐẦU TƯ

(Địa điểm), ngày ____ tháng ____ năm ____

1. Tôi là ____ *[ghi tên]*, ____ *[ghi chức vụ]*, là đại diện hợp pháp của ____ *[ghi tên nhà đầu tư/tên liên danh nhà đầu tư]*, xác nhận và cam kết rằng những thông tin được cung cấp trong văn bản này là đúng sự thật và các tài liệu kèm theo là bản sao chính xác với tài liệu gốc.

2. Các nguồn tài chính, tín dụng sau đây đã được cam kết và sẽ được huy động để thực hiện dự án:

Nguồn tài chính	Giá trị ⁽¹⁾
I. Vốn chủ sở hữu cam kết góp vào dự án:	
1.	
2.	
....	
II. Vốn vay nhà đầu tư phải huy động:	
1.	
2.	
.....	

3. Tài liệu kèm theo:

- Văn bản cam kết cung cấp tài chính của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng kèm theo các tài liệu chứng minh thẩm quyền của người ký cam kết.
- Văn bản cam kết bảo đảm đủ vốn chủ sở hữu cho dự án của đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ kèm theo các tài liệu chứng minh về thẩm quyền ký cam kết.
- Tài liệu liên quan khác.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Ghi số tiền bằng số, bằng chữ theo đồng tiền dự thầu.

MẪU SỐ 08

**KINH NGHIỆM KINH DOANH, KHAI THÁC DỊCH VỤ CHUYÊN NGÀNH ĐƯỜNG
BỘ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

(Địa điểm), ngày ____ tháng ____ năm ____

[Nhà đầu tư liệt kê kinh nghiệm kinh doanh hoặc khai thác dịch vụ chuyên ngành đường bộ thuộc dự án đang xét theo yêu cầu]

1. Kinh nghiệm kinh doanh dịch vụ đường bộ:

Nhà đầu tư kê khai kinh nghiệm kinh doanh dịch vụ đường bộ thông qua Giấy phép kinh doanh dịch vụ (nếu có theo quy định) đã được cơ quan có thẩm quyền cấp cho nhà đầu tư, bao gồm các nội dung sau:

- a) Số và ngày cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ (nếu có);
- b) Tên, địa chỉ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đường bộ.
- c) Tuyến quốc lộ và cao tốc nơi cung cấp dịch vụ.
- d) Lĩnh vực dịch vụ đường bộ được cung cấp. đ) Phạm vi cung cấp dịch vụ.

2. Kinh nghiệm khai thác dịch vụ chuyên ngành đường bộ:

Nhà đầu tư kê khai kinh nghiệm khai thác dịch vụ chuyên ngành đường bộ bao gồm các nội dung sau:

- a) Tên, địa chỉ của doanh nghiệp khai thác dịch vụ chuyên ngành đường bộ.
- c) Tuyến quốc lộ và cao tốc nơi khai thác dịch vụ chuyên ngành đường bộ.
- d) Lĩnh vực dịch vụ chuyên ngành đường bộ.
- đ) Phạm vi khai thác dịch vụ chuyên ngành đường bộ.
- e) Số năm khai thác dịch vụ chuyên ngành đường bộ.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

- Yêu cầu kê khai thông tin tại Mẫu này có thể được điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với yêu cầu về năng lực kinh nghiệm của nhà đầu tư.

- Nhà đầu tư phải cung cấp các tài liệu chứng minh các thông tin đã kê khai như bản sao công chứng, xác nhận của cơ quan có thẩm quyền/đại diện cơ quan có thẩm quyền...

MẪU SỐ 09

ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT

Căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của dự án và tiêu chuẩn đánh giá HSĐXCTNĐTKT, Cơ quan quản lý đường bộ yêu cầu nhà đầu tư chuẩn bị các nội dung, biểu mẫu đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu thuyết minh đính kèm (nếu có) làm cơ sở để đánh giá HSĐXCTNĐTKT, bao gồm các nội dung sau đây:

1. Đề xuất về kế hoạch và phương pháp triển khai thực hiện dự án:

- Chứng minh sự hiểu biết về hiện trạng; dự báo tăng trưởng sản lượng; mục tiêu của dự án theo quy hoạch được duyệt.
- Quy mô dự án, phương án thiết kế.

- Phương án kỹ thuật, công nghệ của dự án.
- Kế hoạch, tiến độ thực hiện dự án, thời gian xây dựng.
- Phương án giảm thiểu tác động môi trường.
- Đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng, nhà đầu tư phải có phương án phối hợp với Đơn vị được giao quản lý đường bộ để làm việc với Ủy ban nhân dân có thẩm quyền hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng và các thủ tục về đất đai cần thiết khác.
- Phương án kết nối hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật (thoát nước, môi trường) của dự án với hạ tầng chung của tuyến quốc lộ và cao tốc; lập bản vẽ tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 trong phạm vi ranh giới dự án bằng kinh phí của nhà đầu tư.
- Phương án về phòng cháy, chữa cháy; an ninh, an toàn; các giải pháp, biện pháp, trang bị phương tiện phòng chống cháy, nổ; tổ chức bộ máy quản lý hệ thống phòng chống cháy nổ theo quy định (đối với các công trình có yêu cầu về phòng chống cháy nổ).
- Thời gian khai thác dự án sau khi hoàn thành công tác đầu tư.

2. Đề xuất của nhà đầu tư về phương án tổ chức vận hành, quản lý và cung cấp dịch vụ chuyên ngành đường bộ:

- Phương án bảo đảm đáp ứng các điều kiện kinh doanh, khai thác dịch vụ (nếu có) chuyên ngành đường bộ theo quy định của pháp luật về đường bộ (bao gồm các điều kiện về bộ máy tổ chức; điều kiện về đội ngũ nhân viên; điều kiện về hạ tầng và thiết bị chuyên ngành; điều kiện về vốn đáp ứng yêu cầu kinh doanh, khai thác dịch vụ chuyên ngành đường bộ tại tuyến quốc lộ và cao tốc và các hồ sơ, tài liệu, hợp đồng chứng minh đáp ứng các điều kiện đó).
- Phương án tổ chức vận hành, quản lý và cung cấp dịch vụ chuyên ngành đường bộ của nhà đầu tư đáp ứng mục tiêu, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển tuyến quốc lộ và cao tốc.
- Phương án phối hợp với Cơ quan có thẩm quyền trong quá trình cung cấp dịch vụ đường bộ của nhà đầu tư, bảo đảm an ninh, an toàn.
- Phương án giám sát để bảo đảm cung cấp dịch vụ đường bộ ổn định, liên tục, đạt chất lượng.

MẪU SỐ 10

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI DỰ ÁN CHƯA GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

Nhà đầu tư cần nộp bảng tổng hợp chi phí thực hiện dự án và chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bằng cả bản in và bản điện tử (định dạng file excel hoặc theo yêu cầu của bên mời thầu) theo các yêu cầu sau đây:

- Được lập trên ứng dụng Microsoft Excel 2000 (được cập nhật) hoặc ứng dụng khác;
- Trình bày số tiền hàng triệu với 2 chữ số thập phân;
- Không có trang nào hoặc ô nào bị ẩn hoặc bảo vệ bằng mã số;

- *Tính toán cần phải được chia tách hợp lý để có thể dễ dàng theo dõi trên màn hình hoặc trên trang giấy;*
- *Các ô có chứa số cố định cần được bôi màu vàng.*

PHẦN 2. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Trên cơ sở các nội dung cơ bản của hợp đồng dự án theo hướng dẫn dưới đây, căn cứ tính chất, quy mô, lĩnh vực của từng dự án cụ thể để xây dựng dự thảo hợp đồng và đính kèm trong HSYCCTNĐT. Dự thảo hợp đồng bao gồm các điều khoản để làm cơ sở cho các bên đàm phán, hoàn thiện, ký kết và thực hiện hợp đồng, bảo đảm phân chia rõ trách nhiệm, rủi ro, quyền và lợi ích hợp pháp của các bên ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật hiện hành.

I. CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG DỰ ÁN

Liệt kê các văn bản pháp lý làm căn cứ ký kết hợp đồng dự án, bao gồm:

- Các Luật, Nghị định và Thông tư hướng dẫn liên quan đến việc triển khai dự án;
- Các nghị quyết hoặc quyết định phê duyệt các quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương liên quan đến dự án;
- Các quyết định, văn bản của Cơ quan có thẩm quyền;
- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

II. CÁC BÊN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG DỰ ÁN

Kê khai thông tin của các Bên ký kết hợp đồng dự án, bao gồm:

a) Cơ quan có thẩm quyền.

- Tên Cơ quan có thẩm quyền;
- Địa chỉ;
- Số điện thoại và số fax;
- Tên và chức vụ của người đại diện;
- Văn bản ủy quyền ký kết và thực hiện hợp đồng dự án (nếu có).

b) Nhà đầu tư

- Tên doanh nghiệp (tên tiếng Việt, tiếng Anh và tên viết tắt, nếu có);
- Địa chỉ;
- Số điện thoại và số fax;
- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (số, ngày cấp, nơi cấp, đơn vị cấp) (đối với trường hợp Nhà đầu tư là doanh nghiệp Việt Nam hoặc doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được thành lập tại Việt Nam);

- Tên và chức vụ của người đại diện theo pháp luật.

(Trường hợp một Bên ký kết là Nhà đầu tư nước ngoài, ghi tên, quốc tịch, giấy tờ chứng thực của Nhà đầu tư; số giấy phép thành lập, số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương, nếu có; địa chỉ, điện thoại, fax, họ và tên, chức vụ của người đại diện được ủy quyền).

c) Doanh nghiệp dự án (áp dụng trong trường hợp nhà đầu tư và doanh nghiệp dự án hợp thành một bên để ký kết hợp đồng dự án với Cơ quan có thẩm quyền)

- Tên doanh nghiệp (tên tiếng Việt, tiếng Anh và tên viết tắt, nếu có);

- Địa chỉ;

- Số điện thoại và số fax;

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Số, ngày cấp, nơi cấp, đơn vị cấp);

- Tên và chức vụ của người đại diện theo pháp luật.

III. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG DỰ ÁN

Điều 1. Mục đích của hợp đồng dự án

Thỏa thuận giữa Cơ quan có thẩm quyền và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án về quyền và nghĩa vụ của mỗi Bên trong việc thực hiện các quy định tại hợp đồng dự án, quy định của Thông tư này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Tại Điều này quy định định nghĩa và các từ viết tắt (nếu có) về các khái niệm được sử dụng trong hợp đồng dự án phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và bối cảnh cụ thể của hợp đồng dự án.

Điều 3. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

Tại Điều này quy định các tài liệu thuộc hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu thuộc hồ sơ hợp đồng, bao gồm:

1. Văn bản hợp đồng;
2. Phụ lục hợp đồng (nếu có);
3. Biên bản đàm phán hợp đồng;
4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư;
5. Văn bản thỏa thuận của các bên về điều kiện của hợp đồng;
6. Hồ sơ dự thầu và các tài liệu làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư được lựa chọn;
7. Hồ sơ mời thầu, và các tài liệu sửa đổi, bổ sung hồ sơ mời thầu;
8. Các tài liệu có liên quan.

Điều 4. Ngôn ngữ

Tại Điều này quy định ngôn ngữ sử dụng cho hợp đồng: Ngôn ngữ sử dụng cho hợp đồng là tiếng Việt trong trường hợp nhà đầu tư trúng thầu là nhà đầu tư trong nước. Trường hợp hợp đồng có sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài, ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt và ngôn ngữ khác do các bên thỏa thuận. Khi hợp đồng được ký kết bằng hai ngôn ngữ thì các bên phải thỏa thuận về ngôn ngữ sử dụng trong quá trình giao dịch hợp đồng và thứ tự ưu tiên sử dụng ngôn ngữ để giải quyết tranh chấp hợp đồng.

Điều 5. Mục tiêu, phạm vi và quy mô của dự án

Tại Điều này quy định mục tiêu của dự án (các hạng mục công trình chính...); vị trí, diện tích và công năng của khu đất; quy mô dự án; phạm vi địa giới hành chính của khu đất để thực hiện dự án; tổng chi phí thực hiện dự án.

Điều 6. Địa điểm thực hiện dự án và diện tích thuê đất

Tại Điều này quy định địa điểm thực hiện dự án, diện tích thuê đất dự kiến của công trình dự án và các công trình liên quan (nếu có).

Điều 7. Yêu cầu thực hiện và khai thác dự án

Tại Điều này nêu rõ:

- Các yêu cầu về thực hiện và khai thác dự án phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt; yêu cầu bảo đảm chất lượng công trình theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng và các quy định khác có liên quan.
- Yêu cầu về kỹ thuật bảo đảm đáp ứng mục tiêu đầu tư; quy mô đầu tư.
- Yêu cầu bố trí đủ vốn để thực hiện dự án.
- Yêu cầu về tiến độ thực hiện dự án (bao gồm các nội dung về thời gian xây dựng công trình và thời gian khai thác dự án sau khi hoàn thành công tác đầu tư).
- Yêu cầu về đáp ứng điều kiện kinh doanh, khai thác dịch vụ (nếu có) chuyên ngành đường bộ theo quy định của pháp luật về đường bộ (bao gồm các điều kiện về bộ máy tổ chức; điều kiện về đội ngũ nhân viên; điều kiện về hạ tầng và thiết bị chuyên ngành; điều kiện về vốn đáp ứng yêu cầu kinh doanh, khai thác dịch vụ chuyên ngành đường bộ tại tuyến quốc lộ và cao tốc).
- Yêu cầu về vận hành, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng công trình dự án.
- Các yêu cầu về môi trường theo quy định của pháp luật về môi trường.
- Các yêu cầu về kết nối hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật.
- Các yêu cầu về đảm bảo an ninh, an toàn.
- Các yêu cầu về trách nhiệm phối hợp với Cơ quan có thẩm quyền trong quá trình cung cấp dịch vụ chuyên ngành đường bộ của nhà đầu tư.
- Các yêu cầu khác liên quan đến ngành, lĩnh vực của dự án cũng như điều kiện cụ thể của dự án.

Điều 8. Doanh nghiệp dự án

Tại Điều này quy định các nội dung liên quan đến doanh nghiệp dự án. Trường hợp vốn điều lệ của doanh nghiệp dự án thấp hơn mức vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết huy động, các Bên thỏa thuận lộ trình tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp dự án, phù hợp với tiến độ triển khai dự án, pháp luật về doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan.

Điều 9. Trách nhiệm của nhà đầu tư/doanh nghiệp dự án

Các trách nhiệm của nhà đầu tư/doanh nghiệp dự án có thể được quy định trong hợp đồng bao gồm:

- Tuân thủ cam kết bố trí vốn bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng) theo tiến độ trong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt;
- Tuân thủ cam kết nộp ngân sách nhà nước theo giá trị, thời gian tại hợp đồng này;
- Thu xếp nguồn vốn để thực hiện dự án theo đúng tiến độ theo quy định tại hợp đồng;
- Thực hiện dự án theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng; pháp luật điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án, đặc biệt là liên quan đến đất đai, môi trường và thuế; các quy định của pháp luật về đường bộ;
- Đáp ứng các điều kiện về kinh doanh, khai thác dịch vụ (nếu có) chuyên ngành đường bộ theo quy định của pháp luật về đường bộ;
- Thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo thỏa thuận (nếu có).

Điều 10. Trách nhiệm của Cơ quan có thẩm quyền

Các trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền có thể được quy định trong hợp đồng bao gồm:

- Bàn giao mặt bằng khu vực dự án theo tiến độ quy định tại hợp đồng.
- Hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư thực hiện dự án, bao gồm các thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư, xây dựng và đất đai.
- Thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo thỏa thuận (nếu có).

Điều 11. Nộp ngân sách nhà nước

Tại Điều này quy định:

Sau khi hợp đồng được ký kết giữa Cơ quan có thẩm quyền và nhà đầu tư trúng thầu (hoặc doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án), Đơn vị được giao quản lý đường bộ nơi thực hiện dự án, nhà đầu tư trúng thầu (hoặc doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án) phối hợp với cơ quan quản lý đất đai của địa phương trình Ủy ban nhân dân có thẩm quyền quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng. Căn cứ tiến độ thỏa thuận tại hợp đồng, nhà đầu tư trúng thầu (hoặc doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án) nộp giá trị bồi thường, hỗ

trợ, tái định cư (M2) đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng cho cơ quan quản lý đất đai của địa phương hoặc cho Kho bạc nhà nước trung ương trong trường hợp đất đã giải phóng mặt bằng và giá trị nộp ngân sách nhà nước bằng tiền (M3) được đề xuất trong hồ sơ dự thầu cho Kho bạc nhà nước trung ương. Không tính lãi vay đối với chi phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Trường hợp giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được duyệt thấp hơn giá trị M2 thì phần chênh lệch sẽ được nộp vào ngân sách nhà nước; trường hợp cao hơn giá trị M2 thì nhà đầu tư phải bù phần thiếu hụt, giá trị phần thiếu hụt được tính vào vốn đầu tư của dự án.

Điều 12. Tiền thuê đất phải nộp; thời hạn thuê đất

Tại Điều này quy định:

- Tiền thuê đất mà nhà đầu tư phải nộp được xác định và thu, nộp theo quy định của pháp luật về đất đai (theo chính sách và giá đất tại thời điểm có Quyết định cho thuê đất của Cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai tại địa phương).
- Thời hạn cho thuê đất được xác định theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 13. Cho nhà đầu tư thuê đất, bàn giao mặt bằng xây dựng

Tại Điều này quy định:

- Việc cho thuê đất cho nhà đầu tư áp dụng theo trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất quy định tại khoản 29 Điều 1 Nghị định số [148/2020/NĐ-CP](#) ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành [Luật Đất đai](#) và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).
- Tiến độ bàn giao mặt bằng xây dựng.

Điều 14. Cổ vật phát hiện tại khu vực dự án

Tại Điều này quy định về việc phát hiện cổ vật tại khu vực dự án, quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư đối với các hiện vật này. Bất kỳ vật hóa thạch, cổ vật, công trình kiến trúc hoặc các hiện vật khác trong khu vực dự án có tính chất lịch sử hay có giá trị đáng kể được phát hiện tại công trường sẽ là tài sản của Nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Nhà đầu tư không cho người của mình hoặc người khác lấy làm hư hỏng cổ vật được phát hiện. Nhà đầu tư phải thông báo ngay cho Cơ quan có thẩm quyền về việc phát hiện này để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Quản lý chất lượng công trình

Tại Điều này quy định nội dung; tiêu chuẩn chất lượng; quyền và nghĩa vụ các Bên trong việc quản lý chất lượng công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Điều 16. Bảo đảm an toàn và bảo vệ môi trường

Tại Điều này quy định:

- Nội dung; tiêu chuẩn về môi trường và an toàn; quyền và nghĩa vụ của các Bên trong việc thực hiện các biện pháp để bảo đảm an toàn trong quá trình thực hiện dự án và thực hiện các yêu cầu về bảo đảm an toàn và bảo vệ môi trường theo các quy định có liên quan của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Nhà đầu tư lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; việc lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 17. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Tại Điều này quy định giá trị, hình thức, thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng và trường hợp nhà đầu tư không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng

Tại Điều này quy định các nội dung sau:

1. Các trường hợp và điều kiện điều chỉnh quy định của hợp đồng dự án.
2. Trình tự; thủ tục sửa đổi, bổ sung hợp đồng dự án.

Điều 19. Chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng dự án

Tại Điều này nêu các điều kiện không cho phép nhà đầu tư chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng dự án.

Điều 20. Vi phạm, không tuân thủ nghĩa vụ hợp đồng và cơ chế giải quyết

Tại Điều này quy định các nội dung sau:

1. Các trường hợp vi phạm, không tuân thủ nghĩa vụ theo quy định tại hợp đồng của từng Bên.
2. Cơ chế giải quyết trong từng trường hợp vi phạm, không tuân thủ nghĩa vụ hợp đồng (ví dụ: Biện pháp khắc phục, đình chỉ việc thực hiện dự án, bồi thường thiệt hại; chấm dứt trước thời hạn hợp đồng...).
3. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong xử lý các trường hợp vi phạm, không tuân thủ nghĩa vụ hợp đồng.

Điều 21. Thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai

Tại Điều này quy định về các trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai theo quy định tại [Luật Đất đai](#) và các quy định có liên quan.

Điều 22. Thời gian khai thác dự án sau khi hoàn thành công tác đầu tư, thời gian thực hiện hợp đồng dự án và kết thúc hợp đồng dự án

Tại Điều này quy định các nội dung sau:

1. Thời gian khai thác dự án sau khi hoàn thành công tác đầu tư.

2. Thời gian thực hiện hợp đồng dự án và các điều kiện để gia hạn hoặc rút ngắn thời hạn của dự án hoặc hợp đồng dự án theo quy định và thỏa thuận cụ thể giữa các Bên;
3. Các trường hợp và điều kiện kết thúc hợp đồng dự án theo thỏa thuận hoặc chấm dứt trước thời hạn;
4. Quyền, nghĩa vụ của mỗi Bên khi kết thúc hợp đồng dự án theo đúng thời hạn đã thỏa thuận;
5. Quyền, nghĩa vụ của mỗi Bên trong trường hợp chấm dứt trước thời hạn đã thỏa thuận; phương thức, thời hạn thanh toán, giá trị và phương pháp tính toán giá trị bồi thường thiệt hại do chấm dứt sớm của từng Bên;
6. Trình tự, thủ tục thanh lý hợp đồng trong các trường hợp kết thúc hợp đồng dự án nêu tại Điều này.

Điều 23. Pháp luật điều chỉnh quan hệ hợp đồng dự án và các hợp đồng có liên quan

Tại Điều này quy định Luật áp dụng để điều chỉnh quan hệ hợp đồng dự án và các hợp đồng có liên quan đến việc thực hiện dự án.

Điều 24. Giải quyết tranh chấp

Tại Điều này quy định cơ chế giải quyết tranh chấp giữa các Bên tham gia hợp đồng dự án và tranh chấp giữa nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án với các bên có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 25. Các sự kiện bất khả kháng và nguyên tắc xử lý

Tại Điều này quy định các nội dung sau:

1. Các trường hợp bất khả kháng và nguyên tắc xác định sự kiện bất khả kháng theo quy định của [Bộ luật Dân sự](#) và thỏa thuận giữa các Bên.
2. Quy định quyền, nghĩa vụ của mỗi Bên khi xảy ra sự kiện bất khả kháng phù hợp với các nguyên tắc quy định tại [Bộ luật Dân sự](#).

Điều 26. Ưu đãi, hỗ trợ và bảo đảm đầu tư (nếu có)

Tại Điều này liệt kê các ưu đãi, hỗ trợ bảo đảm đầu tư, bao gồm:

- Các ưu đãi đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật khác có liên quan;
- Các ưu đãi, bảo đảm đầu tư đặc thù của ngành, lĩnh vực hoặc của địa phương.

Điều 27. Hiệu lực hợp đồng dự án

Tại Điều này quy định các nội dung sau:

1. Thời điểm bắt đầu có hiệu lực và kết thúc hợp đồng dự án;
2. Thời gian, địa điểm ký kết, số bản hợp đồng và giá trị pháp lý của mỗi bản.

Điều 28. Những nội dung khác

Tại Điều này quy định các nội dung khác do các Bên thỏa thuận tùy thuộc vào lĩnh vực, quy mô, tính chất và yêu cầu thực hiện dự án phù hợp với quy định của pháp luật.

(Ví dụ: Quy định về chế độ báo cáo, bảo mật thông tin và các vấn đề khác).

IV. Các phụ lục và tài liệu kèm theo

Các phụ lục, văn bản, tài liệu kèm theo do các Bên thỏa thuận phù hợp với lĩnh vực, quy mô, tính chất và yêu cầu thực hiện dự án.

MẪU SỐ 11

THƯ CHẤP THUẬN HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

(Địa điểm), ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [ghi tên và địa chỉ của nhà đầu tư chấp thuận] (sau đây gọi tắt là Nhà đầu tư)

Về việc: Thông báo chấp thuận hồ sơ đề xuất và trao hợp đồng.

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ [ghi số, ngày ký quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư] của ____ [ghi tên Cơ quan có thẩm quyền] (sau đây gọi tắt là Cơ quan có thẩm quyền) về việc chấp thuận nhà đầu tư dự án ____ [ghi tên dự án], Cơ quan quản lý đường bộ xin thông báo Cơ quan có thẩm quyền đã chấp thuận hồ sơ đề xuất chấp thuận nhà đầu tư và trao hợp đồng cho Nhà đầu tư để thực hiện dự án ____ [ghi tên dự án] với thông tin hợp đồng là ____ [ghi giá trị tổng chi phí thực hiện dự án; chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với dự án chưa giải phóng mặt bằng; đề xuất nộp ngân sách nhà nước trong quyết định chấp thuận nhà đầu tư] với thời gian thực hiện hợp đồng là ____ [ghi thời gian thực hiện hợp đồng trong quyết định chấp thuận nhà đầu tư].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà đầu tư tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Cơ quan có thẩm quyền theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng], tại địa điểm ____ [ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng], gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

- Thời gian ký kết hợp đồng: ____ [ghi thời gian ký kết hợp đồng]; tại địa điểm ____ [ghi địa điểm ký kết hợp đồng].

Đề nghị Nhà đầu tư thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 12 Phần 2 - Dự thảo hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng của hồ sơ yêu cầu chấp thuận nhà đầu tư với số tiền là ____ và thời gian có hiệu lực là ____ [ghi số tiền và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 13 CDNDT của hồ sơ yêu cầu chấp thuận nhà đầu tư].

Văn bản này là một phần không tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà đầu tư phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó Nhà đầu tư phải cam kết năng lực hiện tại của Nhà đầu tư vẫn đáp ứng yêu cầu nêu trong hồ sơ yêu cầu chấp thuận nhà đầu tư. Cơ

quan có thẩm quyền sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà đầu tư trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án.

Nếu đến ngày ____ [ghi ngày cụ thể, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát hành văn bản thông báo chấp thuận hồ sơ đề xuất và trao hợp đồng] mà Nhà đầu tư không tiến hành đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà đầu tư sẽ bị loại.

Đại diện hợp pháp của Cơ quan quản lý đường bộ

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

MẪU SỐ 12

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

(Địa điểm), ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [ghi tên cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng]

(sau đây gọi tắt là Cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng)

Theo đề nghị của ____ [ghi tên nhà đầu tư] là nhà đầu tư được chấp thuận để thực hiện dự án ____ [ghi tên dự án] (sau đây gọi tắt là Nhà đầu tư) và cam kết sẽ ký kết hợp đồng để thực hiện dự án nêu trên (sau đây gọi tắt là Hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong hồ sơ yêu cầu chấp thuận nhà đầu tư (hoặc hợp đồng), Nhà đầu tư phải nộp cho Cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện Hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [ghi tên của ngân hàng] ở [ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại ____ [ghi địa chỉ của ngân hàng ⁽³⁾], xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện Hợp đồng của Nhà đầu tư với số tiền là [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 12 CDNDT].

Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng một khoản tiền hay các khoản tiền với tổng số tiền là ____ [ghi bằng chữ] [ghi bằng số] như đã nêu trên, khi có văn bản của Cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng thông báo Nhà đầu tư vi phạm Hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện Hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày ____ cho đến hết ngày ____ .⁽⁴⁾

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng.

(2) Nếu ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Cơ quan quản lý đường bộ sẽ báo cáo cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [ghi tên nhà đầu tư] là nhà đầu tư được chấp thuận đầu tư dự án ____ [ghi tên dự án] (sau đây gọi tắt là Nhà đầu tư) đã ký hợp đồng số ____ [ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi tắt là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng; ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 20 CDNET.

Nguồn: Thông tư số 01/2023/TT-BGTVT